BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ TƯ PHÁP

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

LÝ NAM HẢI

PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO NGƯ DÂN BIỂN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Chuyên ngành : Lý luận và Lịch sử nhà nước và pháp luật

Mã số : 9380106

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI, 2021

Công trình được hoàn thành tại:

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Người hướng dẫn khoa học: 1. TS. Nguyễn Văn Năm

2. PGS.TS. Nguyễn Thị Hồi

Phản biện 1:.....

Phản biện 2: .....

Phản biện 3:.....

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận án Tiến sĩ cấp trường họp tại Trường Đại học Luật Hà Nội

vào hồi: ……giờ……ngày……tháng……năm……

Có thể tìm hiểu Luận án tại:

1. Thư viện Quốc gia
2. Thư viện Trường Đại học Luật Hà Nội

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU 1
1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu 1
2. Mục đích nghiên cứu và nhiệm vụ nghiên cứu 1
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu 2
4. Phương pháp nghiên cứu 2
5. Ý nghĩa khoa học, thực tiễn và những điểm mới của luận án 3
6. Kết cấu của luận án 4
Chương 1. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU CÁC VẤN ĐỀ CỦA ĐỀ TÀI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU 5
1.1. Tình hình nghiên cứu các vấn đề của đề tài 5
1.1.1. Tình hình nghiên cứu lý luận về phổ biến giáo dục pháp luật cho ngư dân biển 5
1.1.2. Tình hình nghiên cứu thực trạng về phổ biến giáo dục pháp luật cho ngư dân biển 6
1.1.3. Tình hình nghiên cứu về quan điểm và giải pháp tăng cường phổ biến giáo dục pháp luật cho ngư dân biển 6
1.2. Nhận xét tình hình nghiên cứu các vấn đề của đề tài luận án và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu 7
1.2.1. Nhận xét tình hình nghiên cứu các vấn đề của đề tài luận án 7
1.2.2. Những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu 7
1.3. Giả thuyết nghiên cứu và câu hỏi nghiên cứu 8
1.3.1. Giả thuyết nghiên cứu 8
1.3.2. Câu hỏi nghiên cứu 8
Kết luận Chương 1 8
Chương 2. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO NGƯ DÂN BIỂN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY 9
2.1. Ngư dân biển Việt Nam và sự cần thiết phải phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển ở Việt Nam 9
2.1.1. Khái niệm ngư dân biển 9
2.1.2. Điều kiện sinh nghiệp của ngư dân biển ở Việt Nam 9
2.1.3. Sự cần thiết phải phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển ở Việt Nam hiện nay 10
2.2. Khái niệm, mục đích phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển ở Việt Nam hiện nay 10
2.2.1. Khái niệm phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển ở Việt nam hiện nay 10
2.2.2. Mục đích phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển ở Việt Nam hiện nay 11
2.3. Chủ thể, nội dung, phương thức phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển ở Việt Nam hiện nay 11

2.3.1. Chủ thể phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển 11
2.3.2. Nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển 11
2.3.3. Phương thức phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển 12
2.4. Kết quả phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển ở Việt Nam 12
2.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển ở Việt Nam 12
2.5.1. Điều kiện kinh tế, xã hội, nghề nghiệp, trình độ nhận thức, phong tục tập quán của ngư dân biển..... 12
2.5.2. Điều kiện chính trị của đất nước; đường lối, chính sách của Đảng.... 12
2.5.3. Bộ máy, nhân sự làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển 12
2.5.4. Hệ thống thể chế về phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển . 13
2.5.5. Điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật, kinh phí cho công tác phổ biến giáo dục pháp luật cho ngư dân biển 13
2.6. Kinh nghiệm phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển tại một số nước trên thế giới 13
2.6.1. Phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển tại Trung Quốc..... 13
2.6.2. Phổ biến giáo dục pháp luật cho ngư dân biển tại Indonesia..... 13
2.6.3. Phổ biến giáo dục pháp luật cho ngư dân tại Philippines 13
2.6.4. Phổ biến giáo dục pháp luật tại Thái Lan, Singapore 13
Kết luận Chương 2 14
Chương 3. THỰC TRẠNG PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO NGƯ DÂN BIỂN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY 14
3.1. Thực trạng cơ sở pháp lý của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển 14
3.2. Thực trạng phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển 14
3.2.1. Thực trạng chủ thể phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển ... 14
3.2.2. Thực trạng nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển trong thực tế 16
3.2.3. Thực trạng phương thức phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển trong thực tế 16
3.2.4. Thực trạng kết quả phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển ... 17
3.3. Nguyên nhân của thực trạng phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển 17
3.3.1. Nguyên nhân của ưu điểm, thành tựu 17
3.2.2. Nguyên nhân của hạn chế 18
Kết luận Chương 3 19
Chương 4. QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO NGƯ DÂN BIỂN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY 19
4.1. Quan điểm tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển ở Việt Nam hiện nay 19
4.1.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển 19

4.1.2. Phổ biến giáo dục pháp luật cho ngư dân biển cần được tiến hành lồng ghép với giáo dục quốc phòng, với chiến lược phát triển kinh tế biển và bảo vệ tài nguyên, môi trường biển 19
4.1.3. Phổ biến giáo dục pháp luật cho ngư dân biển cần được tiến hành kiên trì, thường xuyên, có trọng tâm, trọng điểm 20
4.1.4. Nội dung, phương thức phổ biến giáo dục pháp luật cho ngư dân biển phải phù hợp với đặc thù của từng nhóm ngư dân biển 20
4.2. Giải pháp tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển ở Việt Nam hiện nay 20
4.2.1. Nhóm giải pháp về nhận thức 20
4.2.2. Nhóm giải pháp về thể chế 20
4.2.3. Nhóm giải pháp về bộ máy làm công tác phổ biến giáo dục pháp luật cho ngư dân biển 21
4.2.4. Nhóm giải pháp về nội dung, phương thức phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển 22
4.2.5. Nhóm giải pháp về các yếu tố bảo đảm cho hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật 23
Kết luận Chương 4 23
KẾT LUẬN 24

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BCV	: Báo cáo viên
BĐBP	: Bộ đội Biên phòng
BQP	: Bộ Quốc phòng
BTP	: Bộ Tư pháp
CBCC	: Cán bộ, công chức
HĐND	: Hội đồng nhân dân
HĐPBGDPL	: Hội đồng phổ biến, giáo dục pháp luật
PBGDPL	: Phổ biến, giáo dục pháp luật
QPPL	: Quy phạm pháp luật
TTV	: Tuyên truyền viên
UBND	: Ủy ban nhân dân
XHCN	: Xã hội chủ nghĩa

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Ngư dân biển là tầng lớp nhân dân lao động quan trọng của quốc gia, ngoài nhiệm vụ đóng góp vào sự phát triển kinh tế chung của đất nước, ngư dân biển còn có vai trò to lớn trong việc bảo vệ môi trường, bảo vệ chủ quyền biển đảo, góp phần bảo vệ chủ quyền và an ninh quốc gia. Nhận thấy vai trò to lớn đó, trong những năm gần đây, với sự diễn biến phức tạp về tình hình môi trường biển và tranh chấp trên Biển Đông, Đảng và Nhà nước đã nhận thức rõ vai trò của ngư dân biển đối với việc xây dựng kinh tế biển bền vững và việc bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Đảng và Nhà nước ta đã sớm đề ra nhiều chủ trương, chính sách nhằm phát huy vai trò của ngư dân biển trong thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong thực tế, hoạt động PBGDPL cho ngư dân biển thường được thực hiện thông qua hoạt động của cơ quan chức năng như Sở tư pháp, Bộ đội biên phòng, Hải quân, Kiểm Ngư, Cảnh sát biển hoặc được tiến hành xã hội hóa bởi các Trung tâm trợ giúp pháp lý, Hội luật Gia, Hội liên hiệp Thanh niên Việt Nam, các cơ sở đào tạo luật… Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện, ngoài ưu điểm, các hoạt động PBGDPL trên đã bộc lộ rõ những hạn chế, bất cập như chưa phân loại được các ngư dân biển (gần bờ, xa bờ, đánh bắt hay nuôi trồng trên biển); chưa xác định rõ nhu cầu thực tế của ngư dân biển về pháp luật (nhu cầu trong đời sống hàng ngày và nhu cầu trong hoạt động sản xuất); các hình thức, phương pháp giáo dục pháp luật chưa phong phú, gây nhàm chán, mang nặng tính lý thuyết, hạn chế trang bị các kĩ năng đi biển, ứng phó với các hành vi xâm phạm chủ quyền, từ đó không thu hút được được sự quan tâm của ngư dân biển… Ở khía cạnh lý thuyết, việc nghiên cứu lý luận về phổ biến, giáo dục pháp luật ở nước ta đã được tiến hành từ lâu, tuy nhiên, chủ yếu giới hạn ở nghiên cứu về phổ biến, giáo dục pháp luật nói chung, hoặc phổ biến, giáo dục pháp luật cho các nhóm đối tượng gắn với một địa bàn, một lĩnh vực hoặc một nghề trên đất liền là chủ yếu. Trong khi đó, nghiên cứu về phổ biến, giáo dục pháp luật cho nhóm đối tượng là ngư dân biển nhìn chung chưa được quan tâm đúng mức. Chính vì thế, việc nghiên cứu một cách toàn diện, chuyên sâu về phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển Việt Nam là việc làm cần thiết, có ý nghĩa thời sự cả về lý luận và thực tiễn.

Ý thức được điều đó, nghiên cứu sinh lựa chọn đề tài ***"Phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển ở Việt Nam hiện nay"*** làm đề tài luận án tiến sĩ của mình.

2. Mục đích nghiên cứu và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1 Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu đề tài ***"Phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển ở Việt Nam hiện nay"*** là nhằm xây dựng những vấn đề lý luận, thực tiễn và đề xuất các giải pháp phù hợp, khả thi nhằm tăng cường công tác PBGDPL đối với ngư dân biển Việt Nam; thông qua đó, góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam, phát triển kinh tế biển, bảo vệ tài nguyên, môi trường biển đảo.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện được mục đích trên thì nhệm vụ nghiên cứu của luận án bao gồm:

- Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu về PBGDPL cho ngư dân biển, chỉ ra những vấn đề đã được nghiên cứu và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, làm rõ trong luận án.

- Làm sáng tỏ và cụ thể hóa những vấn đề lý luận về PBGDPL cho ngư dân biển ở Việt Nam hiện nay: Khái niệm, hình thức, phương pháp PBGDPL cho ngư dân biển, sự cần thiết và mục đích PBGDPL cho ngư dân biển ở Việt Nam, nhu cầu về kiến thức pháp lý của ngư dân biển, các yếu tố ảnh hưởng đến PBGDPL cho ngư dân biển và các yếu tố bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển.

- Đánh giá thực trạng PBGDPL cho ngư dân biển ở Việt Nam hiện nay, xác định những nguyên nhân dẫn đến thực trạng đó.

- Đề xuất quan điểm, giải pháp nhằm tăng cường công tác PBGDPL cho ngư dân biển ở Việt Nam hiện nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là những vấn đề lý luận, thực trạng phổ biến, giáo dục pháp luật và các giải pháp tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển ở Việt Nam hiện nay.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về thời gian*: Luận án nghiên cứu các hoạt động PBGDPL cho ngư dân biển ở Việt Nam từ năm 2013 đến nay (thời điểm triển khai đề án "Tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, nhân dân vùng biên giới, hải đảo giai đoạn 2013-2016 kéo dài đến năm 2021").

- *Về không gian*: Địa bàn nghiên cứu của luận án là các khu vực dân cư có nghề đánh bắt hải sản trên các vùng biển Việt Nam.

- *Về nội dung*: Luận án chỉ tập trung nghiên cứu về hoạt động PBGDPL cho ngư dân biển mà không nghiên cứu về PBGDPL cho toàn thể ngư dân.

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp luận

Luận án vận dụng các phương pháp luận duy vật biện chứng, duy vật lịch sử của triết học Mác-Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về PBGDPL cho các đối tượng xã hội; chính sách, pháp luật của Nhà nước về giáo dục pháp luật nói chung và giáo dục pháp luật cho ngư dân biển nói riêng. Ngoài ra, những quan điểm lý luận, kết quả nghiên cứu thực tiễn về giáo dục pháp luật của các nhà khoa học đi trước cũng là nguồn tài liệu tham khảo quan trọng của luận án.

4.2. Các phương pháp nghiên cứu cụ thể

Để thực hiện luận án, tác giả đã sử dụng các phương pháp chủ yếu sau:

- Phương pháp tổng hợp: Phương pháp này được sử dụng để nghiên cứu các vấn đề trong tất cả các chương của luận án, chẳng hạn, được sử dụng khi tập hợp lại toàn bộ các tài liệu có liên quan đến đối tượng nghiên cứu để nêu lên

nhận xét về các công trình đó, nhằm phục vụ cho quá trình nghiên cứu luận án; được sử dụng để khái quát hóa các luận điểm đã phân tích để xây dựng nên các khái niệm, kết luận...

- Phương pháp phân tích: Phương pháp này được sử dụng tại tất cả các chương của luận án để làm rõ các vấn đề cần nghiên cứu như khái niệm, đặc điểm, thực trạng, nguyên nhân, hạn chế của PBGDPL cho ngư dân biển ở Việt Nam...

- Phương pháp luật học so sánh được sử dụng tại chương 3 khi đề cập đến thực trạng cơ sở pháp lý của PBGDPL cho ngư dân biển.

- Phương pháp so sánh: Phương pháp này được sử dụng nhiều tại chương 1, 2 nhằm tìm ra những điểm tương đồng và khác biệt giữa các quan niệm khác nhau về cùng một vấn đề; để chỉ ra sự khác biệt giữa PBGDPL của ngư dân biển khác với PBGDPL cho các loại đối tượng khác giúp cho luận án có được cái nhìn đa chiều, toàn diện, đúng đắn và sâu sắc về vấn đề cần nghiên cứu.

- Phương pháp điều tra xã hội học: Phương pháp này được sử dụng tại chương 2,3 khi điều tra các nhu cầu của ngư dân biển, điều tra ý kiến của các chủ thể tổ chức và chủ thể thực hiện PBGDPL cho ngư dân biển, khảo sát, đánh giá hiệu quả PBGDPL tại các địa phương, từ đó làm cơ sở cho việc đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp tăng cường công tác PBGDPL cho ngư dân biển ở Việt Nam.

- Phương pháp logic-lịch sử: Dùng để nghiên cứu các chương 1,2,3 tổng quan tình hình nghiên cứu đề tài, cơ sở lý luận và thực trạng PBGDPL cho ngư dân biển trong thời gian qua.

5. Ý nghĩa khoa học, thực tiễn và những điểm mới của luận án

5.1. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án

- *Về mặt khoa học:* Luận án đã cụ thể hóa lý luận về PBGDPL nói chung vào một lĩnh vực cụ thể là PBGDPL cho một loại đối tượng cụ thể là ngư dân biển ở Việt Nam. Kết quả nghiên cứu của luận án đã góp phần bổ sung và hoàn thiện thêm lý luận về PBGDPL nói riêng và khoa học pháp lý nói chung.

- *Về thực tiễn*: Thông qua việc trình bày và đánh giá thực trạng PBGDPL cho ngư dân biển ở Việt Nam thời gian qua, trình bày và luận giải về các giải pháp tăng cường PBGDPL cho ngư dân biển ở nước ta hiện nay, luận án cung cấp tài liệu tham khảo cho các nhà hoạt động thực tiễn trong quá trình hoàn thiện chính sách, pháp luật về PBGDPL cũng như tổ chức thực hiện và tiến hành hoạt động PBGDPL cho ngư dân biển nói riêng và cho nhân dân nói chung.

Với những ý nghĩa trên, luận án có thể được dùng làm tài liệu tham khảo trong quá trình nghiên cứu, học tập và giảng dạy luật học trong các cơ sở đào tạo luật học và trong qúa trình hoàn thiện chính sách, pháp luật về PBGDPL, tổ chức thực hiện và tiến hành PBGDPL cho ngư dân biển nói riêng và cho nhân dân nói chung ở Việt Nam.

5.2. Những điểm mới của luận án

- Luận án đã cụ thể hóa được lý luận chung về PBGDPL thành lý luận cụ thể về PBGDPL cho ngư dân biển ở Việt Nam.

- Luận án đã phân tích và đánh giá được thực trạng PBGDPL cho ngư dân biển ở nước ta thời gian qua, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của hoạt động này và xác định được những nguyên nhân dẫn đến thực trạng đó.

- Luận án đã đề xuất được một số giải pháp có tính phù hợp và khả thi để tăng cường PBGDPL cho ngư dân biển ở nước ta hiện nay.

6. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận án được kết cấu thành 04 chương:

Chương 1. Tình hình nghiên cứu các vấn đề của đề tài và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu.

Chương 2. Những vấn đề lý luận về phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển ở Việt Nam hiện nay.

Chương 3. Thực trạng phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển ở Việt Nam hiện nay.

Chương 4. Quan điểm và giải pháp tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển ở Việt Nam hiện nay.

Chương 1
TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU CÁC VẤN ĐỀ CỦA ĐỀ TÀI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

1.1. Tình hình nghiên cứu các vấn đề của đề tài

1.1.1. Tình hình nghiên cứu lý luận về phổ biến giáo dục pháp luật cho ngư dân biển

Đề tài cấp Bộ Quốc phòng "*Công tác vận động ngư dân tham gia bảo vệ chủ quyền, biển đảo trong tình hình mới*" của Nguyễn Quang Dũng có nghiên cứu một khía cạnh liên quan đến hoạt động PBGDPL cho ngư dân biển, đó là công tác vận động ngư dân biển tham gia bảo vệ chủ quyền, biển đảo trong tình hình mới.

Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở "*Giáo dục chủ quyền biển đảo cho ngư dân tại Thừa Thiên Huế*" của Nguyễn Thị Hà. Trong đề tài này, tác giả nêu lên một số vấn đề lý luận về GDPL cho ngư dân như khái niệm, đặc điểm, GDPL cho ngư dân.

Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở *"Bộ đội biên phòng vận động ngư dân các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ và Bà Rịa-Vũng Tàu phát triển kinh tế gắn với bảo vệ chủ quyền Biển đảo trong tình hình mới"* của Nguyễn Đức Ý. Là đề tài cấp cơ sở của Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, là một đề tài nghiên cứu về ngư dân nói chung nhưng trong đề tài đối tượng nghiên cứu tập trung là ngư dân biển. Một trong hai vấn đề nghiên cứu của đề tài liên quan đến PBGDPL là công tác vận động ngư dân bảo vệ chủ quyền biển đảo.

Cuốn "*Đời sống xã hội và văn hóa của cộng đồng ngư dân ven biển và hải đảo từ Đà Nẵng đến Khánh Hòa-góc nhìn dân tộc học*" của Bùi Xuân Đính và Nguyễn Thị Thanh Bình, đây là công trình nghiên cứu về lĩnh vực dân tộc học, cung cấp cho nghiên cứu sinh nhiều tư liệu quý giá về cơ sở lý luận liên quan đến khái niệm, đặc điểm và điều kiện sinh nghiệp của ngư dân, các yếu tố tác động đến đời sống ngư dân.

Bài viết "*Những khó khăn trong hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển tại Việt Nam hiện nay*" của Lý Nam Hải. Bài viết này tác giả đã đánh giá các yếu tố chủ quan và khách quan tác động trực tiếp đến hiệu quả của công tác PBGDPL cho ngư dân biển Việt Nam hiện nay,

Bài viết "*Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hoạt động nghề cá góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo*" của Phạm Thị Thanh Ngọc, nội dung bài viết có đề cập đến ngư dân biển và mục đích mang tính đặc thù trong công tác PBGDPL cho ngư dân biển đó là bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc.

Luận án "*Nghiên cứu cải thiện sinh kế trong khai thác hải sản đối với ngư dân vùng ven biển thành phố Hải Phòng*" của Nguyễn Văn Cường. Phần cơ sở lý luận, tác giả có đề cập đến ngư dân biển, trong đó yếu tố ý thức pháp luật của ngư dân trong việc chấp hành các quy định pháp luật về biển đảo, bảo vệ môi trường và vai trò của các lực lượng chức năng trên biển trong việc phổ biến, tuyên truyền giáo dục pháp luật cho ngư dân biển.

Luận án "*Vai trò của phụ nữ trong đời sống cộng đồng ngư dân ven biển huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa*" của Lê Phương Thảo, đây là đề tài nghiên cứu về chuyên ngành dân tộc học, phần cơ sở lý luận, tác giả có phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận chính sách và các quy định của pháp luật của phụ nữ trong cộng đồng ngư dân ven biển huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

1.1.2. Tình hình nghiên cứu thực trạng về phổ biến giáo dục pháp luật cho ngư dân biển

Đề tài nghiên cứu cấp Bộ "*Thái độ đối với hoạt động đánh bắt xa bờ của cư dân ven biển miền Trung*" do Nguyễn Thị Hoa làm chủ nhiệm. Trong phần trực trạng, tác giả đã đánh giá thái độ của ngư dân trong hoạt động đánh bắt xa bờ, xác định được thái độ tích cực, thái độ tiêu cực, các ưu, nhược điểm của các loại thái độ này.

Bài viết "*Thực trạng và một số giải pháp nâng cao hiệu quả phổ biến giáo dục pháp luật cho ngư dân biển ở Việt Nam*" của Lý Nam Hải. phần thực trạng, tác giả đã trình bày một số kết quả đạt được trong hoạt động PBGDPL cho ngư dân biển từ năm 2013 đến nay..

Luận án tiến sĩ*"Chức năng của lực lượng cảnh sát biển Việt Nam hiện nay"* của Nguyễn Quốc Khánh tại *Tiểu mục 3.3, Chương III*, tác giả đã đề cập đến thực trạng GDPL cho ngư dân biển của lực lượng cảnh sát biển.

Cuốn "*Tìm hiểu pháp luật về biển và hải đảo Việt Nam* của Đào Chuẩn. Trong cuốn sách này, tác giả thông qua thực tiễn hoạt động PBGDPL đã tập hợp 60 câu hỏi của ngư dân biển và trả lời. Các câu hỏi được tập hợp và phân loại trong 05 vấn đề chính.

1.1.3. Tình hình nghiên cứu về quan điểm và giải pháp tăng cường phổ biến giáo dục pháp luật cho ngư dân biển

Bài viết "*Giải pháp tối ưu để bảo vệ ngư dân Việt Nam trước những hành động của Trung Quốc*" của Bành Quốc Tuấn. Trong bài viết này, đưa ra 04 giải pháp được coi là tối ưu hiện nay là đấu tranh ngoại giao, sử dụng các lực lượng có chức năng quản lý hành chính trên biển, sử dụng cơ chế trung gian của các tổ chức quốc tế và sử dụng giải pháp pháp lý.

Các bài viết "*Công ước về hoạt động đánh bắt cá bất hợp pháp, không có khai báo và không có quản lý (IUU) của Liên minh Châu Âu và những tác động tới Việt Nam"* ; "*Những tác động của thẻ vàng IUU đối với Việt Nam và một số kiến nghị giải pháp để gỡ thẻ vàng IUU đối với ngành thủy sản Việt Nam*" của cùng tác giả Lê Khắc Đại. Sau khi đánh giá bối cảnh và những tác động xấu đến xuất khẩu thủy hải sản của Việt Nam ra thị trường thế giới, xác định nguyên nhân chính là việc đánh bắt trái phép của ngư dân Việt Nam trên vùng biển quốc tế, tác giả đã đưa ra 05 giải pháp nhằm gỡ thẻ vàng IUU đối với thủy sản Việt Nam

Luận án "*Nghiên cứu cải thiện sinh kế trong khai thác hải sản đối với ngư dân vùng ven biển thành phố Hải Phòng*" của Nguyễn Văn Cường. Trong *Chương IV* giải pháp, tác giả đưa ra 03 nhóm giải pháp, trong đó tác giả nhấn mạnh đến nhóm giải pháp tổ chức và quản lý của Nhà nước.

1.2. Nhận xét tình hình nghiên cứu các vấn đề của đề tài luận án và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu

1.2.1. Nhận xét tình hình nghiên cứu các vấn đề của đề tài luận án

Thứ nhất, về mặt lý luận, các công trình nghiên cứu đã đề cập đến một số khái niệm cơ bản về GDPL cho ngư dân nói chung trên cơ sở khái niệm GDPL nói chung, các công trình nghiên cứu cũng đề cập đến mục đích của công tác PBGDPL cho ngư dân, vai trò của ngư dân trong sản xuất kinh tế và bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc. Tuy nhiên, các công trình này chưa làm rõ, cụ thể hóa được vấn đề lý luận về PBGDPL cho ngư dân biển, là loại đối tượng đặc thù có hoạt động sản xuất và điều kiện sinh kế khác với ngư dân nói chung. Đặc biệt là việc luận giải các khía cạnh liên quan đến khái niệm, đặc điểm, đối tượng, chủ thể, nội dung, phương pháp và hình thức PBGDPL cho ngư dân biển ở Việt Nam. Ngoài ra, các công trình cũng chưa đề cập đến điều kiện sinh nghiệp của ngư dân biển tác động đến ý thức pháp luật và thái độ, tình cảm đối với pháp luật của ngư dân biển, chưa luận giải về sự cần thiết phải PBGDPL cho ngư dân biển trong giai đoạn hiện nay. Các yếu tố ảnh hưởng đến PBGDPL cho ngư dân biển cũng chưa được các tác giả đề cập đầy đủ trong các công trình nghiên cứu.

Thứ hai, về thực trạng PBDGPL cho ngư dân biển đã được một số công trình nghiên cứu và đề cập, tuy nhiên vẫn chưa hệ thống và toàn diện. Trong các công trình đã có, phần thực trạng chỉ nêu các số liệu PBGDPL mang tính liệt kê theo chương trình, kế hoạch đã được thực hiện bởi các cơ quan chức năng, chưa có công trình nào tập trung đánh giá các ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân của thực trạng. Ngoài ra, các công trình nghiên cứu còn bị hạn chế bởi phạm vi và đối tượng nghiên cứu nên các tác giả chỉ tập trung phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động PBGDPL cho ngư dân ở một khu vực, địa bàn nhất định, chưa có công trình nào nghiên cứu về PBGDPL cho ngư dân biển trên cả nước.

Thứ ba, về quan điểm, giải pháp tăng cường PBGDPL cho ngư dân biển thì hiện nay chưa có công trình nào nghiên cứu một cách toàn diện về vấn đề này. Một số công trình nghiên cứu đã đề xuất một số giải pháp chung và các giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả công tác PBGDPL cho ngư dân biển, tuy nhiên các giải pháp này còn mang tính chung chung và đã lạc hậu do được kế thừa từ nhiều công trình khác, không phù hợp với đối tượng đặc thù là ngư dân biển và trong điều kiện tình hình kinh tế xã hội hiện nay.

Tóm lại, các công trình nghiên cứu về PBGDPL cho ngư dân nói chung và ngư dân biển nói riêng hiện nay đã có những kết quả nhất định, cung cấp tài liệu tham khảo hữu ích cho nghiên cứu sinh, tuy nhiên còn nhiều vấn đề liên quan đến lý luận và thực tiễn cần phải làm rõ, đòi hỏi cần có những công trình nghiên cứu chuyên sâu về vấn đề này.

1.2.2. Những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu

Trên cơ sở kế thừa các thành tựu nghiên cứu hiện có, luận án đi sâu nghiên cứu những vấn đề sau đây:

- Luận giải, tiếp tục phát triển, làm sâu sắc và hoàn thiện thêm những vấn đề lý luận về PBGDPL nói chung;

- Phân tích, làm sáng tỏ những đặc điểm của phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển so với các đối tượng khác; luận giải vai trò và sự cần thiết của hoạt động PBGDPL cho ngư dân biển tại Việt Nam; xây dựng khung lý thuyết về phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển: chủ thể, nội dung, đối tượng, phương pháp và hình thức PBGDPL cho ngư dân biển.

- Phân tích nội dung các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động PBGDPL cho ngư dân biển tại Việt Nam.

- Phân tích, đánh giá thực trạng về nội dung, phương pháp, hình thức và hiệu quả PBGDPL cho ngư dân biển, chỉ ra những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân của thực trạng đó qua phân tích các kết quả điều tra xã hội học.

- Tìm kiếm và đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường PBGDPL cho ngư dân biển ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

1.3. Giả thuyết nghiên cứu và câu hỏi nghiên cứu

1.3.1. Giả thuyết nghiên cứu

Hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển ở nước ta thời gian qua được Nhà nước chú trọng thực hiện và đã đạt được một số thành tựu đáng ghi nhận song vẫn còn một số hạn chế nhất định nên chưa đạt kết quả như mong muốn. Do vậy, việc tăng cường công tác phổ biến giáo dục pháp luật cho ngư dân biển bằng những giải pháp phù hợp với nhu cầu, năng lực, điều kiện tiếp cận và sử dụng pháp luật của họ sẽ góp phần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của ngư dân biển trong việc tuân thủ pháp luật, phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường, bảo vệ chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia.

1.3.2. Câu hỏi nghiên cứu

(1) Phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển có những đặc thù gì so với các đối tượng khác, nhất là trong điều kiện phức tạp của Biển Đông hiện nay? Sự cần thiết phải tiến hành hoạt động này? Chủ thể, nội dung, phương thức và các yếu tố ảnh hưởng tới phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển ở nước ta hiện nay? Kết quả của hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển được nhìn nhận như thế nào?

(2) Thực trạng hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển ở nước ta thời gian qua diễn ra như thế nào? Có những ưu điểm, hạn chế gì và nguyên nhân nào dẫn đến thực trạng đó.

(3) Những quan điểm, giải pháp nào có thể thực hiện để tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển ở nước ta trong thời gian tới?

Kết luận Chương 1

Thời gian qua đã có khá nhiều công trình nghiên cứu về PBGDPL cho nhiều loại đối tượng, song những công trình nghiên cứu về giáo dục pháp luật cho ngư dân biển còn khá khiêm tốn. Các công trình nghiên cứu đã có đã làm sáng tỏ nhiều vấn đề liên quan đến lý luận và thực trạng PBGDPL cho một số loại đối tượng nhất định và giải pháp nhằm nâng cao PBGDPL cho loại đối tượng đó. Tuy nhiên, cho đến hiện tại ở nước ta chưa có công trình nào nghiên

cứu một cách toàn diện và có hệ thống về PBGDPL cho ngư dân biển ở nước ta như luận án này. Do vậy, nhiệm vụ đặt ra cho luận án là trên cơ sở kế thừa các kết quả nghiên cứu đã có cần làm sáng tỏ cơ sở lý luận về PBGDPL cho ngư dân biển ở nước ta, đánh giá được thực trạng của hoạt động này thời gian qua và tìm kiếm để đề xuất các giải pháp có tính khả thi nhằm tăng cường hoạt động này trong thời gian tới.

Chương 2
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO NGƯ DÂN BIỂN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

2.1. Ngư dân biển Việt Nam và sự cần thiết phải phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển ở Việt Nam

2.1.1. Khái niệm ngư dân biển

Dựa trên khái niệm ngư dân nói chung, căn cứ vào đặc điểm hoạt động sản xuất của ngư dân, có thể định nghĩa ngư dân biển như sau: "*Ngư dân biển là những người hoạt động đánh bắt hải sản trên biển, có đời sống và hoạt động sản xuất gắn với biển*".

2.1.2. Điều kiện sinh nghiệp của ngư dân biển ở Việt Nam

Thứ nhất, đối với nhóm ngư dân biển đánh bắt gần bờ, có các điều kiện sinh nghiệp sau:

Một là, ngư dân biển đánh bắt gần bờ thường kết hợp công việc đánh bắt hải sản với việc nuôi trồng thủy hải sản trên biển, ngoài ra họ còn kết hợp với các ngành nghề dịch vụ khác gắn liền với biển như làm muối, sửa chữa tàu thuyền,…

Hai là, ngư dân biển đánh bắt gần bờ thường có nguy cơ chịu rủi ro trong hoạt động sản xuất, sinh kế không bền vững.

Ba là, xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành nghề, tập quán cha truyền con nối trong ngư nghiệp cũng thay đổi, nhiều ngư dân biển đã chuyển sang loại hình sản xuất khác hoặc xuất khẩu lao động.

Bốn là, do đặc thù nghề nghiệp và điều kiện kinh tế khó khăn, ngư dân biển gần bờ thường ít có cơ hội học tập một cách đầy đủ, trọn vẹn, chỉ dừng lại ở một trình độ học vấn nhất định.

Thứ hai, đối với nhóm ngư dân biển đánh bắt xa bờ, nhóm ngư dân này có điều kiện sinh nghiệp sau:

Một là, ngư dân đánh bắt xa bờ thường làm việc trong điều kiện khắc nghiệt về tự nhiên và điều kiện sinh hoạt khó khăn trên tàu biển.

Hai là, đánh bắt xa bờ thường cần nhiều lao động, nên hoạt động này mang tính chất cha truyền con nối, hoạt động truyền thống của dòng họ, huy động tối đa lực lượng lao động trong gia đình tham gia vào khai thác và bảo quản thủy hải sản,

Ba là, nghề đánh bắt hải sản xa bờ có kinh phí đầu tư lớn về phương tiện, trang thiết bị, lại chịu nhiều rủi ro, bấp bênh, phụ thuộc nhiều vào may mắn, kinh nghiệm hay khả năng phán đoán luồng cá của ngư dân biển.

Bốn là, ngư dân đánh bắt xa bờ thường có thời gian đi biển dài ngày, môi trường biển rộng lớn cũng tạo ra tâm lý tự do, phóng khoáng, tạm bợ của ngư dân biển

Năm là, do đặc thù về môi trường nghề nghiệp, thường xuyên phải đối đầu với thiên tai, rủi ro nghề nghiệp nên hình thành tâm lý tín ngưỡng, kiêng kị, các tín ngưỡng này được cụ thể hóa qua các lễ hội của ngư dân biển tại địa phương (thờ cá Ông, lễ cầu Ngư, thờ Thành Hoàng

Sáu là, ngư dân đánh bắt xa bờ cũng có nhu cầu pháp lý để giải quyết các vấn đề cá nhân, của gia đình như các quan hệ hôn nhân, lao động, đất đai...

Bảy là, ngư dân đánh bắt xa bờ còn quan tâm đến công tác hậu cần và thị trường tiêu thụ sản phẩm trên đất liền, Ngoài ra, đối với ngư dân đi biển dài ngày, thường xuyên đối diện với thiên tai và rủi ro trong công việc, thì sự động viên, khích lệ của người thân, gia đình, sự quan tâm của chính quyền địa phương và các lực lượng chức năng là rất quan trọng.

Tám là, các hoạt động đánh bắt xa bờ của ngư dân biển luôn gắn liền với chủ quyền biển đảo của Tổ quốc.

2.1.3. Sự cần thiết phải phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển ở Việt Nam hiện nay

Một là, xuất phát từ yêu cầu cần phải bảo vệ tốt chủ quyền biển đảo.

Ngư dân biển ngoài nhiệm vụ sản xuất kinh tế trên biển, còn có nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc.

Hai là, xuất phát từ yêu cầu phát triển kinh tế biển, yêu cầu hội nhập quốc tế (trong xuất khẩu hàng hóa, trong quan hệ hữu nghị, hợp tác với các quốc gia có biển liền kề)

Ba là, xuất phát từ yêu cầu bảo vệ tài nguyên và môi trường biển đảo, đảm bảo đánh bắt ổn định, lâu dài, bền vững

Bốn là, xuất phát từ yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền đòi hỏi tất cả các chủ thể trong xã hội, trong đó có ngư dân biển đều phải nhận thức, hiểu biết được yêu cầu của các quy định pháp luật

2.2. Khái niệm, mục đích phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển ở Việt Nam hiện nay

2.2.1. Khái niệm phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển ở Việt nam hiện nay

PBGDPL cho ngư dân biển là quá trình tác động một cách có chủ đích, có kế hoạch và tổ chức của chủ thể tới nhận thức của ngư dân biển nhằm trang bị cho ngư dân biển một trình độ kiến thức pháp lý nhất định để họ có nhận thức đúng đắn về pháp luật, có thái độ, tình cảm đúng mực đối với pháp luật, tôn trọng pháp luật, xử sự phù hợp với pháp luật, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của bản thân cũng như các chủ thể khác, góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc.

Từ khái niệm trên cho thấy, ngoài những đặc điểm của PBGDPL cho các đối tượng nói chung, thì PBGDPL cho ngư dân biển mang những đặc thù sau:

Thứ nhất, PBGDPL cho ngư dân biển mang tính thời sự, chính trị.

Thứ hai, PBGDPL cho ngư dân biển luôn gắn liền với hoạt động giáo dục quốc phòng về chủ quyền biển đảo..

Thứ ba, phương pháp, nội dung, phương thức PBGDPL cho ngư dân biển được các chủ thể PBGDPL xây dựng mang tính đặc thù dành riêng cho đối tượng ngư dân biển.

Thứ tư, PBGDPL cho ngư dân biển cần phải được tiến hành trong sự đồng hành cùng ngư dân, hỗ trợ giúp đỡ ngư dân bám biển.

2.2.2. Mục đích phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển ở Việt Nam hiện nay

Mục đích chung:

Một là, mục đích của PBGDPL cho ngư dân biển nhằm trang bị tri thức, nâng cao tri thức pháp lí.

Hai là, PBGDPL nhằm khơi dậy tình cảm, lòng tin và thái độ đúng đắn đối với pháp luật; nhằm hình thành thói quen xử sự theo pháp luật với động cơ tích cực.

Mục đích đặc thù:

PBGDPL giúp ngư dân biển sử dụng pháp luật đúng cách để bảo vệ lợi ích của bản thân và gia đình; sống và xử sự theo pháp luật, góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc.

2.3. Chủ thể, nội dung, phương thức phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển ở Việt Nam hiện nay

2.3.1. Chủ thể phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển

Chủ thể PBGDPL cho ngư dân biển là các cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia vào việc PBGDPL cho ngư dân biển. Các chủ thể này có thể chia thành: Chủ thể tổ chức PBGDPL cho ngư dân biển và chủ thể tiến hành PBGDPL cho ngư dân biển.

2.3.2. Nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển

Thứ nhất: Các quy định của pháp luật về biên giới, chủ quyền biển, đảo, bảo vệ tài nguyên, môi trường biển trong đánh bắt, các qui định về xử phạt vi phạm hành chính, về xử lý hình sự; các văn bản liên quan đến vi phạm trong đánh bắt, trong sử dụng chất cấm trong bảo quản, trong việc xâm nhập trái phép vùng biển nước khác; các văn bản pháp luật về các chính sách đãi ngộ của Đảng và Nhà nước đối với ngư dân biển.

Thứ hai: Các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, chẳng hạn, Công ước quốc tế về luật biển năm 1982, Hiệp định phân định vịnh Bắc Bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc.

Thứ ba: Các quy định của pháp luật nước ngoài

Thứ tư: Các tập quán quốc tế, nhất là các tập quán quốc tế về đánh bắt, bảo quản, vận chuyển, trao đổi thủy hải sản, tập quán giải quyết tranh chấp quốc tế.

Những nội dung khác đáp ứng nhu cầu của ngư dân biển: ngoài những nội dung PBGDPL gắn với điều kiện sinh nghiệp đặc thù của ngư dân biển, trong

công tác phổ biến giáo dục pháp luật cho ngư dân biển còn phải chú ý những nội dung khác mà ngư dân biển quan tâm tùy theo nhu cầu của họ.

2.3.3. Phương thức phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển

2.3.3.1. Hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật

Hình thức của PBGDPL là các cách thức cụ thể để tổ chức PBGDPL, để thực hiện nội dung PBGDPL như: Dạy và học pháp luật; tuyên truyền, giải thích pháp luật thông qua báo chí, phương tiện thông tin đại chúng, phổ biến, nói chuyện pháp luật tại các cơ quan nhà nước, tổ chức quần chúng, địa bàn dân cư, các hội nghị, hội thảo pháp luật; các câu lạc bộ pháp luật; PBGDPL trong các hoạt động lập pháp, hành pháp và tư pháp của các cơ quan nhà nước; PBGDPL qua các hoạt động của các tổ chức xã hội, tổ chức quần chúng, tổ chức nghề nghiệp pháp luật

2.3.3.2. Phương pháp phổ biến, giáo dục pháp luật

Các phương pháp PBGDPL cho ngư dân biển hiện nay bao gồm:

+ *Phương pháp thông tin pháp luật*:

+ *Phương pháp nói chuyện, trao đổi về pháp luật*:

+ *Phương pháp giảng dạy pháp luật trên hội trường, trong lớp học*:

+ *Phương pháp tạo tình huống pháp luật*:

2.4. Kết quả phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển ở Việt Nam

Thứ nhất, về tri thức pháp luật: ngư dân biển sau khi được phổ biến, giáo dục pháp luật đã nắm bắt cơ bản được các quy định của pháp luật, đặc biệt các quy định pháp luật gắn với điều kiện sinh nghiệp của mình,

Thứ hai, về tâm lý pháp luật: công tác PBGDPL cho ngư dân biển được coi là có kết quả khi tâm lý pháp luật của ngư dân biển có sự chuyển biến theo hướng tích cực, ngư dân biển có thái độ, tình cảm pháp lý đúng mực hơn,

Tóm lại, kết quả PBGDPL cho ngư dân biển thể hiện ở việc tri thức pháp luật của ngư dân được nâng cao; tâm lý pháp luật của họ được cải thiện. Tất cả những yếu tố đó được thể hiện thông qua hành vi thực hiện pháp luật hàng ngày của họ.

2.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển ở Việt Nam

2.5.1. Điều kiện kinh tế, xã hội, nghề nghiệp, trình độ nhận thức, phong tục tập quán của ngư dân biển.

+ Điều kiện kinh tế, xã hội, nghề nghiệp của ngư dân

đạt hiệu quả cao nhất.

+ Trình độ nhận thức của ngư dân biển

+ Phong tục tập quán, tín ngưỡng của ngư dân

2.5.2. Điều kiện chính trị của đất nước; đường lối, chính sách của Đảng

+ Điều kiện chính trị của đất nước

+ Đường lối, chính sách của Đảng (về kinh tế biển, về chủ quyền biển đảo, về PBGDPL cho ngư dân biển…)

2.5.3. Bộ máy, nhân sự làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển

+ Bộ máy, nhân sự làm công tác PBGDPL

- *Về ý thức trách nhiệm của chủ thể PBGDPL cho ngư dân biển*

- Về năng lực tổ chức, thực hiện của chủ thể giáo dục pháp luật cho ngư dân biển ở Việt Nam.

- Về đạo đức của chủ thể phổ biên, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển

2.5.4. Hệ thống thể chế về phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển

+ Hệ thống thể chế về phổ biến, giáo dục pháp luật

2.5.5. Điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật, kinh phí cho công tác phổ biến giáo dục pháp luật cho ngư dân biển

+ Điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật, kinh phí cho công tác PBGDPL

Cơ sở vật chất, kỹ thuật, kinh phí cho công tác PBGDPL có tác động rất lớn đến chất lượng và hiệu quả của công tác PBGDPL cho ngư dân biển.

2.6. Kinh nghiệm phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển tại một số nước trên thế giới

2.6.1. Phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển tại Trung Quốc

Phổ biến, giáo dục pháp luật ở Trung Quốc bắt đầu được triển khai từ cuối những năm 1980 và tiếp tục cho đến nay, tính đến cuối năm 2020, đã bước vào kế hoạch phổ biến pháp luật 05 năm lần thứ bảy. Việt Nam nên kế thừa và áp dụng phương thức vừa kết hợp PBGDPL bằng hình thức tuyên truyền vừa kết hợp tư vấn và giải đáp thắc mắc, khiếu nại pháp luật ngay tại địa điểm PBGDPL.

2.6.2. Phổ biến giáo dục pháp luật cho ngư dân biển tại Indonesia

DKP cũng chịu trách nhiệm giáo dục, tuyên truyền và phổ biến thông tin về thủy sản. DKP cũng cung cấp một chương trình gọi là *"penyuluhan"* (tuyên truyền cộng đồng. Việt Nam cũng nên xây dựng các chương trình pháp luật cho cộng đồng dưới nhiều hình thức, có thể do chính phủ quản lý, hoặc kêu gọi các tổ chức phi chính phủ tham gia.

2.6.3. Phổ biến giáo dục pháp luật cho ngư dân tại Philippines

Philippines có khoảng 145 tổ chức phi chính phủ (NGO) đang thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật. Việt Nam nên học hỏi đó là công tác xã hội hóa PBGDPL cho ngư dân biển, đặc biệt là việc huy động các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức chính trị xã hội,

2.6.4. Phổ biến giáo dục pháp luật tại Thái Lan, Singapore

Đối với bài học kinh nghiệm từ Singapore, Việt Nam nên khuyến khích động viên các ngư dân biển đánh bắt ở vùng lộng, gần bờ chuyển sang nuôi trồng thủy hải sản trên biển, đầu tư khoa học kĩ thuật, áp dụng các phương pháp nuôi trồng gần bờ là rất cần thiết, vừa đảm bảo sinh kế bền vững cho ngư dân biển, vừa bảo vệ môi trường.

Kết luận Chương 2

PBGDPL cho ngư dân biển là cần thiết, đặc biệt là trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền và tình hình biển Đông phức tạp như hiện nay. Mục đích của PBGDPL cho ngư dân biển nhằm nâng cao tri thức pháp luật. Chủ thể phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân bao gồm các chủ thể có trách nhiệm tổ chức việc PBGDPL cho ngư dân và các chủ thể trực tiếp tiến hành phổ biến, giáo dục pháp luật. Nội dung PBGDPL cho ngư dân biển tập trung vào các quy định của Hiến pháp và văn bản quy phạm pháp luật,...Phương thức PBGDPL cho ngư dân biển khá đa dạn. Kết quả của hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật thể hiện ở: Tri thức pháp luật của ngư dân được nâng cao;, có tâm lý pháp luật đúng mực hơn. Các yếu tố ảnh hưởng đến công tác PBGDPL cho ngư dân biển bao gồm: Điều kiện sinh nghiệp của ngư dân, điều kiện kinh tế, trình độ nhận thức của ngư dân biển, truyền thống phong tục tập quán, tín ngưỡn, văn hóa,…

Chương 3
THỰC TRẠNG PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO NGƯ DÂN BIỂN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

3.1. Thực trạng cơ sở pháp lý của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển

Ngày 09/02/2007, ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X đã ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TW về chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020. Ngày 22/10/2018, Ban chấp hành Trung ương khóa XII đã ban hành Nghị quyết 36-NQ/TW về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045,

Đặc biệt, ngày 20 tháng 6 năm 2012, tại kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIII, đã ban hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012. Luật gồm 5 chương, 41 điều,

Ngày 15/7/2013 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1133/QĐ-TTg về "Phê duyệt các Đề án chi tiết tại Quyết định số 409/QĐ-TTg ngày 09/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện kết luận số 04-KL/TW ngày 19/4/2011 của Ban bí thu Trung ương Đảng (khóa XI)" trong đó, giao cho Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Tài nguyên môi trường, các địa phương vùng biên giới hải đảo triển khai thực hiện đề án "*Tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, nhân dân vùng biên giới, hải đảo giai đoạn 2013-2016*", đề án này kéo dài đến năm 2021.

3.2. Thực trạng phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển

3.2.1. Thực trạng chủ thể phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển

3.2.1.1. Những ưu điểm, thành tựu về chủ thể phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển

Thứ nhất, đối với chủ thể là Chính phủ, cơ quan thống nhất quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật. ban hành kế hoạch tiếp tục triển khai thực

hiện Đề án "Tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, nhân dân vùng biên giới, hải đảo giai đoạn 2013-2016" đến năm 2021.

Thủ tướng chính phủ đã ban hành hành quyết định số 27/2013/QĐ-TTg quy định về thành phần, nhiệm vụ, quyền hạn của hội đồng PHPBGDPL.

Thứ hai, đối với chủ thể là Bộ Tư pháp, với chức năng thực hiện quản lý nhà nước về PBGDPL đã xây dựng dự thảo và ban hành đề án PBGDPL giai đoạn 2017-2021, đặc biệt ngày 10/3/2018, Bộ Tư pháp đã ban hành thông tư số 03/2018/TT-BTP về bộ tiêu chí đánh giá đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL,

Thứ ba, đối với chủ thể là Bộ Quốc phòng

Đề án "Tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, nhân dân vùng biên giới, hải đảo giai đoạn 2013-2016" kéo dài đến năm 2021 đã được giao cho cơ quan chủ trì là Bộ quốc phòng với sự phối hợp của các chủ thể khác.

Thứ tư, đối với Ủy ban nhân cấp Tỉnh, đơn vị có chức năng thực hiện quản lý nhà nước về PBGDPL cho ngư dân biển cấp địa phương. Uỷ ban nhân cấp tỉnh hàng năm căn cứ vào đề án "Phổ biến giáo dục pháp luật cho cán bộ, nhân dân vùng biên giới, hải đảo giai đoạn 2013-2016" kéo dài 2021, ban hành kế hoạch, chương trình PBGDPL và giao đầu mối cho Hội đồng PHPBGDPL cấp tỉnh cùng Sở Tư pháp tại địa phương

Thứ năm, đối với các chủ thể khác:

Lực lượng Báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật từng bước được rà soát, củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động.

Tính đến năm 2018 cả nước có 14.899 giáo viên dạy giáo dục công dân, có khoảng 1.418 giảng viên giảng dạy pháp luật tại các cơ sở đào tạo hệ cao đẳng, đại học

Đội ngũ tình nguyện viên PBGDPL cho ngư dân biển như đoàn viên, thanh niên tình nguyện, sinh viên các trường cao đẳng, đại học,… là những chủ thể hỗ trợ rất đắc lực cho công tác tuyên truyền PBGDPL cho ngư dân.

Các đài phát thanh truyền hình quốc gia, đài phát thanh truyền hình địa phương và các đài phát thanh truyền hình quân đội cũng như các cơ quan báo chí trung ương, địa phương và quân đội đã phát hàng ngàn chương trình tuyên truyền, PBGDPL cho ngư dân biển.

3.2.1.2. Những hạn chế về chủ thể phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển

Thứ nhất, Hội đồng Phối hợp PBGDPL của một số cơ quan, đơn vị chưa phát huy hết tính năng động sáng tạo; việc phân công, phân cấp các cơ quan chuyên trách làm công tác PBGDPL cho ngư dân biển còn chung chung, chưa xác định rõ ràng dẫn đến chất lượng của công tác PBGDPL cho ngư dân biển còn thấp.

Thứ hai, cơ chế phối hợp của các chủ thể trong công tác PBGDPL cho ngư dân biển còn chưa đạt hiệu quả, do có sự tham gia của nhiều chủ thể khác nhau trong công tác PBGDPL cho ngư dân biển, có sự chồng chéo về chức năng.

Thứ ba, hoạt động của các chủ thể PBGDPL cho ngư dân biển nhiều nơi chưa được thực hiện liên tục, thường xuyên

Thứ tư, chất lượng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật chưa đồng đều.

Thứ năm, công tác tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật còn ít, nặng về kiến thức mà thiếu về kỹ năng.

Thứ sáu, công tác kiểm tra, đánh giá kết quả chưa chặt chẽ.

3.2.2. Thực trạng nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển trong thực tế

3.2.2.1. Những ưu điểm, thành tựu

Lực lượng Cảnh sát biển phổ biến cho ngư dân biển các nội dung liên quan đến chủ quyền biển đảo và an ninh trên biển; Công ước Liên hợp quốc về luật biển năm 1982, Luật biển năm 2012, Luật thủy sản, Luật phòng chống ma túy

Bộ đội biên phòng đã triển khai nội dung PBGDPL cho ngư dân biển bao gồm: Nghị quyết Trung ương 4 (khóa X) về "Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020"; Luật Biển Việt Nam; Công ước của Liên Hợp Quốc về Luật Biển năm 1982; Luật Biên giới quốc gia.

Ở địa phương, các sở, ban, ngành chức năng, Bộ chỉ huy BĐBP tỉnh; UBND các huyện, thành phố ven biển đã chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể các xã ven biển tuyên truyền, giáo dục cho ngư dân về các văn bản, như: Công ước quốc tế về Luật biển năm 1982; Luật biển năm 2012,...

3.2.2.2. Những hạn chế về nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển

Thứ nhất, việc xây dựng nội dung PBGDPL hiện nay cho ngư dân biển còn phụ thuộc vào nội dung của PBGDPL cho các đối tượng nói chung,...

Thứ hai, việc xây dựng nội dung phải dựa vào nhu cầu pháp lý của ngư dân biển, tuy nhiên, trên thực tế, trước khi xây dựng nội dung, các chủ thể vẫn chưa tiến hành điều tra xã hội nhằm xác định nội dung cần thiết,...

Thứ ba, nội dung PBGDPL cho ngư dân biển còn chung chung, chưa phân nhóm được các đối tượng ngư dân biển để PBGDPL

Thứ tư, nội dung PBGDPL cho ngư dân biển mặc dù đã được lồng ghép vào các tình huống nhất định nhưng vẫn nặng về lý thuyết dẫn đến sự nhàm chán, khó hiểu cho ngư dân.

Thứ năm, nội dung PBGDPL còn thực hiện theo các chương trình, kế hoạch, chưa linh hoạt đổi mới theo thời điểm và bám sát các vấn đề thời sự.

3.2.3. Thực trạng phương thức phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển trong thực tế

3.2.3.1. Những ưu điểm, thành tựu

Thứ nhất, về công tác tuyên truyền, PBGDPL trực tiếp: Hình thức PBGDPL trực tiếp được sử dụng thường xuyên thông qua các buổi tuyên truyền, PBGDPL qua các buổi đối thoại, tọa đàm, hội nghị hoặc mở các lớp tập huấn cho cán bộ, ngư dân,…

Thứ hai, tổ chức ngày pháp luật: Ngày 09 tháng 11 hàng năm là Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Thứ ba, hình thức PBGDPL thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như Phối hợp với các cơ quan báo, đài

Thứ tư, tài liệu PBGDPL được biên soạn theo hướng phù hợp với từng đối tượng, địa bàn, đáp ứng tính thời sự và yêu cầu PBGDPL trong từng giai đoạn như biên soạn sổ tay hướng dẫn đi biển đối với ngư dân,…

Thứ năm, sân khấu hóa là hình thức được đầu tư công phu và đạt hiệu quả cao trong công tác PBGDPL của các chủ thể trực tiếp làm công tác PBGDPL cho ngư dân biển.

Thứ sáu, hệ thống cơ sở dữ liệu pháp luật được đầu tư xây dựng, được xác định là nội dung quan trọng trên Cổng thông tin điện tử của các tỉnh

Thứ bảy, mô hình Tủ sách pháp luật: tủ sách pháp luật được xây dựng 100% tại các tỉnh, các xã vùng biên giới, hải đảo.

3.2.3.2. Những hạn chế về phương thức phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển

Thứ nhất, phương pháp thuyết giảng vẫn được các chủ thể làm công tác PBGDPL cho ngư dân vận dụng thường xuyên dẫn đến tâm lý nhàm chán của ngư dân biển khi tham gia các chương trình PBGDPL

Thứ hai, phương pháp PBGDPL cho ngư dân còn mang nặng tính lý thuyết.

Thứ ba, về hình thức, vẫn chưa đánh giá hình thức nào là đạt hiệu quả cao nhất, phù hợp với nội dung và đối tượng nhất.

Thứ tư, các chủ thể PBGDPL chưa tận dụng các hình thức PBGDPL bằng công nghệ vào các hoạt động PBGDPL cho ngư dân biển.

Thứ năm, thực tiễn thực hiện các mô hình PBGDPL như "Mỗi tuần một điều luật", "Mỗi ngày một câu hỏi pháp luật", "Hợp tác xã Ngư nghiệp, Tập đoàn nghề cá", "Tổ, đội tàu thuyền đoàn kết",... còn hình thức.

Thứ sáu, hình thức PBGDPL lưu động thông qua tư vấn pháp luật lưu động còn chưa được nhân rộng.

3.2.4. Thực trạng kết quả phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển

Thứ nhất, đối với tri thức pháp luật của ngư dân biển sau khi được PBGDPL, đa số ngư dân biển sau khi được PBGDPL đã từng bước hiểu về các quy định của pháp luật, nắm bắt cơ bản được hai vấn đề pháp luật chính, một là các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động đánh bắt gắn với điều kiện sinh nghiệp, hai là các quy định pháp luật gắn với các quan hệ pháp luật trên đất liền.

Thứ hai, tâm lý pháp luật của ngư dân biển được cải thiện thông qua việc chuyển biến về thái độ, tình cảm, niềm tin của ngư dân biển với pháp luật.

3.3. Nguyên nhân của thực trạng phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển

3.3.1. Nguyên nhân của ưu điểm, thành tựu

Có thể nói rằng, để đạt được những ưu điểm, thành tựu như đã nêu ở mục 3.2, có sự kết hợp bởi nhiều nguyên nhân khác nhau, tuy nhiên, nhìn chung các kết quả có được là do những nguyên nhân chính sau đây:

Một là, sự quan tâm, chỉ đạo đúng đắn, kịp thời của Đảng và nhà nước trong trong công tác PBGDPL, đặc biệt là ban hành các văn bản pháp quy là cơ sở cho việc triển khai công tác PBGDPL.

Hai là, do nắm bắt khá tốt các điều kiện sinh nghiệp của ngư dân biển nên việc lựa chọn nội dung PBGDPL pháp luật của các chủ thể là tương đối chính xác.

Ba là, do việc vận dụng sáng tạo các quy định về phương thức BPGDPL trong các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PBGDPL đối với đối tượng đặc thù là ngư dân biển, nên phương thức PBGDPL cho ngư dân biển rất đa dạng, phong phú.

Bốn là, do sự nghiêm túc trong công tác đánh giá, tổng kết rút kinh nghiệm của một số đơn vị trong công tác PBGDPL của các chủ thể, nên nhiều kế hoạch, chương trình, mô hình PBGDPL hay

3.2.2. Nguyên nhân của hạn chế

Tuy nhiên, ngoài những thành tựu, ưu điểm trên, trong quá trình tổ chức quản lý và thực hiện PBGDPL cho ngư dân biển, vẫn còn nhiều hạn chế mà nghiên cứu sinh đã trình bày ở mục 3.2, xuất phát từ các nguyên nhân sau:

Thứ nhất, về phía chủ thể làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển:

Một là, một số cơ quan, đơn vị chưa thực sự quan tâm đúng mức công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật;

Hai là do công tác bồi dưỡng nghiệp vụ tại một số đơn vị chưa được đầu tư, coi trọng nên một số báo cáo viên, tuyên truyền viên trình độ sư phạm còn hạn chế.

Ba là, chủ thể làm công tác PBGDPL còn xác định chưa đúng đối tượng ngư dân biển.

Bốn là, việc nhận thức chưa đúng, chưa đầy đủ về tinh thần của các văn bản quy phạm pháp luật, các chương trình, kế hoạch của cơ quan Nhà nước về PBGDPL.

Thứ hai, về nội dung, phương thức phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển:

Một là, do các chủ thể chưa tiến hành điều tra xã hội học để xác định nhu cầu thực tế của ngư dân biển nên định tính trong việc lựa chọn nội dung, phương pháp,…

Hai là, nội dung còn nặng về chủ quyền biển đảo, đánh bắt trên biển mà chưa chú trọng các kiến thức pháp luật liên quan đến đời sống hàng ngày của ngư dân như đất đai, thừa kế, hôn nhân và gia đình,...

Ba là, quá trình chuẩn bị nội dung thiếu chu đáo, cán bộ giáo dục còn yếu về kĩ năng và kinh nghiệm áp dụng nên các tình huống này nhiều khi mang tính chất giả định, chưa thực tế.

Bốn là, việc lựa chọn hình thức PBGDPL lạc hậu, lỗi thời, tương tác kém dẫn đến các hình thức được các chủ thể sử dụng trong công tác PBGDPL cho ngư dân còn mang tính chất lý thuyết, độc thoại một chiều.

Năm là, các chủ thể PBGDPL cho ngư dân biển vẫn chưa tranh thủ tối đa các tiện ích khoa học công nghệ này, chưa làm chủ công nghệ nhằm PBGDPL có hiệu quả cho ngư dân.

Sáu là, việc áp dụng hiệu quả hình thức, phương pháp PBGDPL phụ thuộc nhiều về kinh phí, cơ sở vật chất phục vụ công tác PBGDPL cho ngư dân.

Thứ ba, về phía đối tượng phổ biến giáo dục pháp luật:

Một là, khả năng tiếp cận pháp luật của ngư dân còn hạn chế.

Hai là, tâm lý e dè, bị động, mặc cảm ngại tiếp cận kiến thức pháp luật và chính quyền địa phương.

Ba là, ngư dân thường có thời gian đánh bắt trên biển dài ngày việc PBGDPL cho đối tượng này rất khó thực hiện bằng các phương thức giống các đối tượng khác.

Kết luận Chương 3

Các văn bản pháp luật ngày càng được hoàn thiện đáp ứng việc thực hiện công tác PBGDPL cho ngư dân biển. Chủ thể phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân khá đa dạng, phong phú, trong đó bao gồm các chủ thể tổ chức và các chủ thể thực hiện, ngoài ra còn có các chủ thể được nhà nước khuyến khích tham gia.

Nội dung, phương thức PBGDPL cho ngư dân là tương đối phù hợp, được các chủ thể xây dựng dành riêng cho đối tượng đặc thù là ngư dân, phương thức PBGDPL cho ngư dân biển khá đa dạng, có các hình thức trực tiếp và gián tiếp hoặc lồng ghép nhiều phương thức với nha

Công tác PBGDPL ngoài các thành tựu đã đạt được còn có nhiều tồn tại hạn chế, thực trạng PBGDPL cho ngư dân biển nêu trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân, bao gồm cả các nguyên nhân khách quan và chủ quan.

Chương 4
QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO NGƯ DÂN BIỂN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

4.1. Quan điểm tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển ở Việt Nam hiện nay

4.1.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển

Việc quán triệt những quan điểm, đường lối của Đảng về PBGDPL chính là cơ sở để các cấp, các ngành, các địa phương xây dựng kế hoạch, đề án, quản lý, kiểm tra, đôn đốc và hướng dẫn tổ chức thực hiện, xây dựng các giải pháp khả thi, phù hợp nhằm bảo đảm công tác PBGDPL được triển khai có hiệu quả.

4.1.2. Phổ biến giáo dục pháp luật cho ngư dân biển cần được tiến hành lồng ghép với giáo dục quốc phòng, với chiến lược phát triển kinh tế biển và bảo vệ tài nguyên, môi trường biển

PBGDPL có vị trí quan trọng ngang tầm với giáo dục quốc phòng, hai công tác này phải đồng hành, hỗ trợ nhau và lồng ghép vào nhau để đạt được mục đích cuối

cùng đó là nâng cao ý thức pháp luật cho ngư dân biển và tinh thần trách nhiệm, ý thức công dân đối với Tổ quốc. Kinh tế biển mạnh sẽ tạo điều kiện vật chất để tăng cường sức mạnh quốc phòng, an ninh biển, đảo nói riêng, sức mạnh quốc phòng, an ninh của Tổ quốc nói chung. Ngược lại, quốc phòng, an ninh vững mạnh mới bảo vệ được biển, đảo, tạo ra môi trường, không gian, điều kiện thuận lợi, an toàn cho phát triển kinh tế biển bền vững.

4.1.3. Phổ biến giáo dục pháp luật cho ngư dân biển cần được tiến hành kiên trì, thường xuyên, có trọng tâm, trọng điểm

Mục tiêu chung của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật là tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân. Vì vậy cần phải thường xuyên, kiên trì thực hiện việc phổ biến, giáo dục pháp luật. Đồng thời chú trọng đổi mới nội dung, phương thức tổ chức thực hiện PBGDPL,.

4.1.4. Nội dung, phương thức phổ biến giáo dục pháp luật cho ngư dân biển phải phù hợp với đặc thù của từng nhóm ngư dân biển

Các vấn đề như nội dung, hình thức, phương pháp … của phổ biến giáo dục pháp luật cho ngư dân biển cần được xác định và tiến hành phù hợp với đặc thù của từng nhóm ngư dân và các điều kiện của ngư dân biển Việt Nam hiện nay.

4.2. Giải pháp tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển ở Việt Nam hiện nay

4.2.1. Nhóm giải pháp về nhận thức

PBGDPL cho ngư dân biển phải đáp ứng mục đích mà các chủ thể PBGDPL đặt ra khi tiến hành các hoạt động này. Do đó, hoạt động PBGDPL phải giúp cho ngư dân biển có các định hướng nhất định về nhận thức, kỹ năng, thái độ. Để hoạt động PBGDPL đạt hiệu quả về nhận thức cần có các giải pháp nhất định.

Thứ nhất, đối với ngư dân biển

Một là, cần tiếp tục tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật theo hướng làm thay đổi cách nghĩ, cách nhìn của ngư dân đối với pháp luật.

Hai là, tiếp tục tuyên truyền, PBGDPL để giúp ngư dân biển có những kỹ năng cần thiết trong các trường hợp xảy ra trên biển.

Ba là, tiếp tục tuyên truyền PBGDPL giúp cho ngư dân biển có các thái độ chuẩn mực nhất định để thực hiện đúng đắn các hành vi.

Thứ hai, đối với các chủ thể làm công tác PBGDPL cho ngư dân biển cần nhận thức đúng đắn về pháp luật, về công tác PBGDPL để có chủ trương chính sách chính xác hơn, đầy đủ hơn.

4.2.2. Nhóm giải pháp về thể chế

Hoàn thiện hệ thống pháp luật tạo môi trường thuận lợi để pháp luật đi vào cuộc sống. Một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, minh bạch, ít lỗ hổng, không chồng chéo, mâu thuẫn sẽ tự mình có sức mạnh để đi vào cuộc sống, được xã hội chấp nhận, thừa nhận và tuân thủ. Do đó, để tăng cường công tác PBGDPL

cho ngư dân biển trong thời gian tới, việc hoàn thiện hệ thống pháp luật cần phải tập trung vào các biện pháp sau:

Thứ nhất, rà soát, nghiên cứu, tham mưu tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách, chương trình, kế hoạch về PBGDPL, cả trung hạn và dài hạn để kịp thời thể chế hóa, tổ chức triển khai thi hành các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng.

Thứ hai, cần tăng cường vai trò của Quốc hội trong việc rà soát, sửa đổi và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, đặc biệt là các văn bản có liên quan đến đối tượng PBGDPL là ngư dân biển; các quy định, văn bản này cần phải mang tính khả thi, phù hợp với điều kiện kinh tế-xã hội, an ninh quốc phòng hiện nay, có thể dễ dàng áp dụng vào đời sống ngư dân biển.

Thứ ba, tăng cường hơn nữa quyền tham gia đóng góp ý kiến của ngư dân biển vào các dự án luật.

Thứ tư, tiếp tục triển khai các chương trình, đề án, kế hoạch về PBGDPL, cả dài hạn, trung hạn và hằng năm, đặc biệt là các chương trình, kế hoạch đã triển khai nhưng mang lại hiệu quả thì tiếp tục triển khai theo các giai đoạn tiếp theo.

Thứ năm, xây dựng chương trình riêng về phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển.

4.2.3. Nhóm giải pháp về bộ máy làm công tác phổ biến giáo dục pháp luật cho ngư dân biển

Thứ nhất, hoàn thiện tổ chức Hội đồng phối hợp PBGDPL, tăng cường sự phối hợp giữa các lực lượng, các tổ chức làm công tác PBGDPL cho ngư dân biển.

Một là, hoàn thiện tổ chức Hội đồng phối hợp PBGDPL

Hai là, tăng cường sự phối hợp giữa các lực lượng, các tổ chức làm công tác PBGDPL cho ngư dân biển

Ba là, đẩy mạnh kiểm tra, giám sát, theo dõi, tổng kết đánh giá, xử lý vi phạm (nếu có).

Thứ hai, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, thái độ tận tình, vượt khó, đạo đức, tác phong của chủ thể làm công tác PBGDPL cho ngư dân biển

Một là, cần đào tạo bài bản để nâng cao năng lực chuyên môn cho các chủ thể làm công tác PBGDPL cho ngư dân biển bằng cách cử các cán bộ làm công tác PBGDPL đi đào tạo

Hai là, các chủ thể làm công tác PBGDPL chỉ có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ là chưa đủ, kỹ năng của các chủ thể này cũng thực sự cần thiết cho công tác mà họ thực hiện.

Ba là, đối với các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật không phải chỉ triển khai khi có văn bản mới được ban hành mà cần phải được triển khai thường xuyên, liên tục có kế hoạch.

Bốn là, đội ngũ chủ thể làm công tác PBGDPL ngoài kiến thức, kỹ năng cũng cần phải am hiểu về văn hóa, phong tục, tập quán của ngư dân biển.

Năm là, cần vận động, thuyết phục các ngư dân biển có uy tín tham gia vào công tác PBGDPL

4.2.4. Nhóm giải pháp về nội dung, phương thức phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển

Thứ nhất, xác định và đổi mới nội dung pháp luật cần phổ biến, giáo dục cho ngư dân biển

Một là, đối với nhóm đối tượng là ngư dân biển gắn với nghề nghiệp của họ còn là ý thức đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo của tổ quốc, giữ gìn môi trường biển cũng như các vấn đề về phát triển kinh tế biển,…

Hai là, tiếp tục đổi mới công tác biên soạn tài liệu, gắn với nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ PBGDPL.

Ba là, ngư dân biển cần được trang bị các kiến thức pháp luật liên quan đến các chính sách pháp luật đối với ngư dân như các chính sách hỗ trợ ngư dân phát triển kinh tế, chính sách pháp luật về vay vốn, hỗ trợ tàu thuyền, ngư cụ phục vụ cho việc khai thác của ngư dân,… hay các chính sách phát triển nghề cá.

Bốn là, theo định kỳ, các chủ thể làm công tác PBGDPL cần thăm dò ý kiến, nhu cầu của ngư dân về các vấn đề pháp luật, chính sách mà ngư dân cần biết thông qua các phiếu điều tra xã hội học để từ đó xây dựng nội dung PBGDPL.

Năm là, trong chương trình, nội dung PBGDPL cho ngư dân biển không những trang bị kiến thức pháp luật mà còn phổ biến, giáo dục cho họ các kỹ năng, kinh nghiệm thực tiễn.

Sáu là, tập trung bồi dưỡng các chủ tàu, thuyền trưởng, công tác tuyên truyền PBGDPL phải xây dựng và bồi dưỡng cho họ các kiến thức nhất định về chủ quyền, pháp luật nước ngoài đặc biệt là những nước giáp ranh biên giới biển với Việt Nam.

Thứ hai, đổi mới phương thức PBGDPL cho ngư dân biển

Một là, áp dụng hình thức, phương pháp PBGDPL cho nhóm đối tượng ngư dân biển theo đặc thù công việc

Hai là, phát miễn phí các tài liệu hỏi đáp những vấn đề liên quan đến luật pháp trên biển để ngư dân mang theo trong những chuyến biển, tạo thuận lợi cho ngư dân nghiên cứu cập nhật kiến thức mỗi khi rảnh rỗi, nghỉ ngơi hay chờ nguồn cá.

Ba là, nghiên cứu, xây dựng, tổng kết các mô hình, cách làm hay, hiệu quả trong PBGDPL để kịp thời nhân rộng như các mô hình hưởng ứng Ngày Pháp luật; các cuộc thi tìm hiểu pháp luật trực tuyến; hình thức sân khấu hóa qua lồng ghép các lễ hội,…

Bốn là, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin; nghiên cứu áp dụng hình thức hợp tác công tư trong PBGDPL theo hướng nhà nước đặt hàng, đấu thầu các sản phẩm tuyên truyền, phổ biến pháp luật.

Năm là, nâng cao khả năng hợp tác giữa các cơ quan, tổ chức làm công tác thông tin pháp luật tạo thành mạng lưới thông tin pháp luật thống nhất

Sáu là, đổi mới phương pháp tuyên truyền PBGDPL cho ngư dân biển, luôn đặt ngư dân biển là trung tâm của việc truyền tải.

4.2.5. Nhóm giải pháp về các yếu tố bảo đảm cho hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật

Thứ nhất, nâng cao kinh phí cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển**.**

Thứ hai, đầu tư đầy đủ về cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị phục vụ công tác PBGDPL cho ngư dân biển, áp dụng thành tựu khoa học công nghệ 4.0 vào PBGDPL.

Thứ ba, hỗ trợ đắc lực cho ngư dân (phương tiện tàu bè, ngư cụ; phương tiện thông tin liên lạc)

Thứ tư, tính toán, cân nhắc về thời gian, địa điểm phù hợp với từng nhóm ngư dân biển để thực hiện hoạt động PBGDPL

Kết luận Chương 4

Để tăng cường hoạt động tuyên truyền, PBGDPL cho ngư dân biển cần quán triệt các quan điểm sau: i) Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển; ii) Phải gắn phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển với việc bảo vệ chủ quyền biển đảo; với việc phát triển kinh tế biển và việc bảo vệ môi trường biển, đảo; iv) Phổ biến giáo dục pháp luật cho ngư dân biển cần tiến hành thường xuyên, kiên trì, có trọng tâm, trọng điểm.

Để hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển đạt kết quả tốt hơn, cần tiến hành đồng bộ năm nhóm giải pháp: i) Nhóm giải pháp về nhận thức; ii) Nhóm giải pháp về thể chế; iii) Nhóm giải pháp về bộ máy làm công tác PBGDPL cho ngư dân biển; iv) Nhóm giải pháp về nội dung, phương thức phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển; v) Nhóm giải pháp về các yếu tố bảo đảm về cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị phục vụ công tác PBGDPL

KẾT LUẬN

1. Công tác PBGDPL cho nhân dân nói chung và ngư dân biển nói riêng luôn được Đảng và nhà nước quan tâm và được coi là quốc sách hàng đầu.

2. Ngư dân biển là những người hoạt động đánh bắt hải sản trên biển, có đời sống và hoạt động sản xuất gắn với biển, ngư dân biển được chia thành hai loại là ngư dân đánh bắt gần bờ và ngư dân đánh bắt xa bờ.

3. PBGDPL cho ngư dân biển là "quá trình tác động một cách có chủ đích, có kế hoạch và tổ chức của chủ thể tới nhận thức của ngư dân biển nhằm trang bị cho ngư dân biển một trình độ kiến thức pháp lý nhất định để họ có nhận thức đúng đắn về pháp luật, có thái độ, tình cảm đúng mực đối với pháp luật, tôn trọng pháp luật, xử sự phù hợp với pháp luật, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của bản thân cũng như các chủ thể khác, góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc." PBGDPL cho ngư dân mang các đặc điểm đặc thù.

4. Chủ thể của công tác PBGDPL bao gồm các chủ thể quản lý, tổ chức và các chủ thể thực hiện, trong đó các chủ thể quản lý, tổ chức là các quan nhà nước có thẩm quyền, ác chủ thể thực hiện bao gồm báo cáo viên, tuyên truyền viên,…Nội dung và phương thức PBGDPL cho ngư dân biển được xây dựng trên cơ sở các đặc điểm sinh nghiệp của ngư dân và các nội dung khác theo nhu cầu của ngư dân, phương thức PBGDPL cho ngư dân biển được xây dựng phù hợp với đối tượng đặc thù về điều kiện sinh nghiệp như ngư dân biển.

5. Các văn bản pháp luật nhằm triển khai công tác PBGDPL cho ngư dân biển đã tương đối hoàn thiện, có nhiều thành tựu về chủ thể, nội dung, phương thức. Tuy nhiên, trong quá trình quản lý và tổ chức thực hiện công tác này cũng còn có nhiều tồn tại, hạn chế nhất định, xuất phát từ nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan

6. Nhằm tăng cường công tác PBGDPL cho ngư dân biển ở Việt Nam trong thời gian tới cần quán triệt, định hướng 04 quan điểm và thực hiện tốt, có lộ trình 05 nhóm giải pháp sau: i) Nhóm giải pháp về nhận thức; ii) Nhóm giải pháp về thể chế ;iii)Nhóm giải pháp về bộ máy làm công tác PBGDPL cho ngư dân biển; iv) Nhóm giải pháp về nội dung, phương thức phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển; v) Nhóm giải pháp về các yếu tố bảo đảm về cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị phục vụ công tác PBGDPL cho ngư dân biển;